TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2024/DS -ST
Ngày: 10-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M.

Địa chỉ: Tầng 5, khối E, Tòa nhà C, số 20 C, phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; địa chỉ liên hệ: Tổ 2, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2024) – có mặt.

Bị đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1958.

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2024, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ngày 27/10/2016, bà T có ký tên vào giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161027-0006617 để vay số tiền là 60.484.786 đồng từ Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V (gọi tắt là Ngân hàng V). Lãi suất vay là 55,8%/năm. Thời hạn vay: 29 tháng. Mục đích vay: Tiêu dùng. Ngày 31/10/2016, Ngân hàng mới giải ngân số tiền nợ gốc nêu trên cho bà T.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà T có trả cho Ngân hàng số tiền là 15.309.000 đồng.

Từ ngày 12/3/2017, bà T không thanh toán nợ cho Ngân hàng nữa, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở bà T.

Ngày 28/12/2018, Ngân hàng V đã bán số nợ của bà T cho Công ty M bán (gọi tắt là Công ty M).

Tính đến nay thì số nợ của bà T đã quá hạn nên nay Công ty yêu cầu bà Tâm trả số tiền nợ gốc là 56.431.720 đồng, nợ lãi tính đến ngày 28/12/2018 là 16.861.165 đồng. Công ty không đồng ý với ý kiến trả dần tiền nợ của bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Bùi Thị T trình bày: .

Bà T thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về vấn đề ký hợp đồng tín dụng và nội dung vay nợ nêu trên. Bà T thực tế có nợ số tiền gốc như trên.

Quá trình vay, bà T đã trả được một số tiền nợ cho Ngân hàng V như nguyên đơn khai. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà T chậm trả số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng V.

Việc Ngân hàng V có mua bán nợ với Công ty M thì bà T không rõ.

Nay, Công ty yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc là 56.431.720 đồng, nợ lãi tính đến ngày 28/12/2018 là 16.861.165 đồng. Bà T đồng ý trả số tiền nợ gốc và lãi này nhưng bà T đề nghị cho bà được trả dần. Về thời hạn trả dần số tiền này thì bà T không thể nói trước được vì bà T đang quá khó khăn về kinh tế, hiện bà T cũng đã lớn tuổi, đang ở trọ, không có công việc, không có thu nhập, chỉ ở nhà phụ con cái chăm sóc cháu.

Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Công ty M khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn bà Bùi Thị T trả số tiền nợ gốc và lãi nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đăng ký thường trú và đang sinh sống tại ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương nên theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[3] Về nội dung:

Ngày 27/10/2016, bà Tâm có ký tên vào giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161027-0006617 để vay số tiền là 60.484.786 đồng từ Ngân hàng V.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà T đã trả số tiền nợ gốc là 4.053.066 đồng, nợ lãi là 11.231.934 đồng.

Ngày 28/12/2018, Ngân hàng V và Công ty M có lập Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEOO-18-0006 về vấn đề mua bán các khoản nợ, trong đó bao gồm cả khoản nợ của bà T. Như vậy, theo Điều 4 của Hợp đồng trên thì Công ty M có quyền khởi kiện để yêu cầu bà T trả nợ.

Bà T và Công ty M thống nhất bà T còn nợ lại số tiền gốc là 56.431.720 đồng và nợ lãi tính đến ngày 28/12/2018 là 16.861.165 đồng. Số tiền nợ lãi trên được hai bên thỏa thuận trong giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161027-0006617 nên theo quy định tại khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 có căn cứ chấp nhận đối với khoản lãi này. Quá trình giải quyết vụ án, bà T đồng ý trả dần số tiền nợ gốc và lãi nêu trên. Công ty M không đồng ý. Xét thấy, bà T thừa nhận có nợ và đồng ý trả số tiền nợ cho Công ty nên đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty M là có căn cứ để chấp nhận. Cần buộc bà T trả số tiền nợ gốc là 56.431.720 đồng và số tiền nợ lãi là 16.861.165 đồng cho Công ty. Bà T và Công ty không thống nhất với nhau về phương thức thanh toán nên việc thanh toán số tiền nợ gốc và lãi sẽ được giải quyết tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phương thức thanh toán số tiền nợ giữa hai bên.

Từ những căn cứ trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M đối với bị đơn bà Bùi Thị T về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bị đơn bà Bùi Thị T phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty M tổng số tiền nợ gốc và lãi là 73.292.885 đồng (bảy mươi ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 56.431.720 đồng và tiền nợ lãi là 16.861.165 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty M cho đến khi thi hành án xong, bà Bùi thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty M không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho Công ty M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.832.322 đồng (một triệu tám trăm ba mươi hai nghìn ba trăm hai mươi hai đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001148 ngày 13/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn bà Bùi Thị T được miễn án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

Phạm Ngọc Hoàng An